UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 217 /BC-STC

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO
Tổng hợp tình hình giá cả thị trường tháng 5 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo giá thị trường.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 5 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ TRONG KỲ:

Tình hình giá cả thị trường trên địa bàn thành phố Tuyên Quang tháng 5/2023: Giá lương thực, thực phẩm ổn định so với tháng 4/2023; Giá xăng, dầu Diezen, dầu hỏa, gas Petrolimex, giá vàng, (biến động tăng, giảm) so với tháng 4/2023.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ:

Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (nhà, công trình xây dựng khác, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Thẩm định đơn giá dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý và bảo trì đường đô thị năm 2023 trên địa bàn thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa; Thẩm định và Thông báo số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền bồi thường, hỗ trợ đã trả được trừ vào tiền thuê đất phải nộp đối với dự án Làng văn hóa du lịch và phát huy giá trị lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào tại xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần Hồng Hạc Đại Lải.

Kiểm tra, xem xét đề xuất của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 702/SGTVT-VTPT&NL, ngày 05/5/2023 về việc điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến tại Bến xe khách thành phố Tuyên Quang.

III. DIỄN BIẾN MỘT SỐ MẶT HÀNG CHỦ YẾU:

1. Lương thực: Giá lương thực ổn định so với tháng 5/2023 cụ thể như: Thóc tẻ loại thường giá: 9.000đồng/kg, gạo tẻ loại thường giá: 15.000đồng/kg, gạo tẻ loại ngon giá: 16.000đồng/kg; gạo tẻ tám thơm giá: 18.000đồng/kg, gạo nếp loại ngon giá: 28.000đồng/kg.

2. Thực phẩm: Giá thực phẩm ổn định so với tháng 4/2023, cụ thể như: Thịt lợn mông sấn giá: 90.000đồng/kg, thịt lợn nạc thăn giá: 110.000đồng/kg, giá thịt lợn hơi loại 80kg/con trở lên dao động từ 55.000đồng/kg đến 60.000đồng/kg; Thịt bò thăn (loại I) giá: 250.000đồng/kg; Cá chép loại 1,5kg/con 120.000đồng/kg; Gà mái ta còn sống loại 1,5 kg trở lên giá 130.000đồng/kg; muối 5.000đồng/kg, đường trắng tinh luyện Tuyên Quang giá 23.000đồng/kg; bột ngọt Ajinomoto (loại 1kg) 62.000đồng/kg; bột canh Iốt Hải Châu: 4.500đồng/gói; rau muống, rau mùng tơi, rau đay: 3.000đồng/mớ; rau dền, rau bí 5.000đồng/mớ, đỗ đũa: 15.000đồng/kg, bí xanh, bí đỏ: 12.000đồng/kg, cà chua 15.000đồng/kg.

3. Thuốc chữa bệnh:

Thuốc chữa bệnh thông thường tương đối ổn định so với tháng 4/2023 cụ thể như: thuốc cảm xuyên hương (Yên Bái sản xuất) giá 60.000 đồng/lọ/100viên; Amoxilin 500 mg (1vỉ 10 viên dạng con nhộng) Công ty Dược phẩm TW1 sản xuất giá 10.000 đồng/vỉ; Homtamin không sâm (vỉ 5 viên) liên doanh Việt Nam-Hàn Quốc giá 8.000 đồng/vỉ 5 viên.

4. Giá xăng dầu, gas:

Giá xăng, dầu Diezen, dầu hỏa, tăng với tháng 4/2023 (giá xăng cụ thể như phụ lục số 01 kèm theo); giá gas Petrolimex 400.000 đồng/bình giảm 15.000đồng/bình so với tháng 4/2023.

5. Giá Vàng:

Giá vàng tăng so với tháng 4/2023 cụ thể như: Giá vàng 99,99% Au (loại nhẫn tròn) bán ra bình quân tháng 5/2023 tại cửa hàng tư nhân kinh doanh vàng bạc tại thành phố Tuyên Quang dao động từ 5.550.000đồng/chỉ đến 5.600.000 đồng/chỉ.

(Có phụ lục giá thị trường tháng 5/2023 kèm theo).

Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý giá;
- Tỉnh uỷ, UBND tỉnh; (báo cáo)
- Lãnh đạo Sở TC;
- Kho Bạc Nhà nước T.Quang;
- Phòng TC- KH các huyện, thành phố;
- Các phòng thuộc Sở TC;
- Bộ phận giúp việc BCĐ 389 (Cục QLTT);
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLGCS&TCDN (P).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * SỞ TÀI CHÍNH * TỈNH TUYÊN QUANG

Trương Quốc Khánh

SỞ TÀI CHÍNH TUYÊN QUANG

Tên tệp: 05-2023-TQU

Phụ lục số 01

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 5 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-STC ngày 25 /5/2023 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
I	1	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM							
1	10.001	Gạo tẻ thường		đồng/kg	15.500	15.500		100	
2	10.002	Gạo tẻ ngon (tám thơm)		đồng/kg	18.000	18.000		100	
3	10.006	Thịt lợn hơi		đồng/kg	55.000	60.000	Tăng 5.000	109	
4	10.007	Thịt lợn nạc thăn		đồng/kg	105.000	110.000	Tăng 5.000	105	
5	10.008	Thịt lợn mông sấn		đồng/kg	90.000	90.000		100	
6	10.009	Thịt bò thăn	Loại 1	đồng/kg	250.000	250.000		100	
7	10.010	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/ cái	đồng/kg	200.000	200.000		100	
8	10.011	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con	đồng/kg	130.000	130.000		100	
9	10.012	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5- 2kg /1 con	đồng/kg	60.000	60.000		100	
10	10.013	Giò lụa	Loại 1 kg	đồng/kg	160.000	160.000		100	
11	10.014	Cá chép	Loại 2 con/1 kg	đồng/kg	120.000	125.000		104	
12	10.015	Rau bí, rau dền	Loại ngon	đồng/mớ	5.000	5.000		100	
14	10.016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đồng/kg	15.000	15.000		100	
15	10.017	Muối hạt	Gói 01 kg	đồng/kg	5.000	5.000		100	
16	10.018	Dầu ăn Neptune	Chai 01 lít	đồng/lít	55.000	55.000		100	
17	10.019	Đường trắng Tuyên Quang	Gói 01 kg	đồng/kg	23.000	23.000		100	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
18	10.020	Sữa bột dùng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Similac 0-6 tháng	đồng/kg	160.000	160.000		100	
II	2	ĐỒ UỐNG							
18	20.001	Nước khoáng	Nước khoáng Mỹ Lâm Tuyên Quang, loại chai nhựa 500ml	đồng/chai	3.000	3.000		100	
19	20.002	Rượu vang nội	Vang Thăng Long, chai 750ml	đồng/chai	80.000	80.000		100	
20	20.003	Nước giải khát có ga	Coca-cola thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	210.000	210.000		100	
21	20.004	Bia lon	Bia Hà Nội, thùng 24 lon 330ml	đồng/thùng	220.000	220.000		100	
III	3	CHẤT ĐỐT, NƯỚC SINH HOẠT, VĂN PHÒNG PHẨM							
24	30.001	Gas đun	Gas hóa lỏng Petrolimex loại 12kg/bình (không kể tiền bình)	đồng/kg	415.000	400.000	Giảm 15.000	96	
25	30.002	Nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư tại khu đô thị thành phố Tuyên Quang	Xí nghiệp cấp nước thành phố Tuyên Quang	đồng/m^3	6.400	6.400		100	Trung bình $10m^3$ đầu tiên
26	30.003	Giấy A4	Loại 9070 BB2K, KT: (210x297)mm, định lượng 70g/m^2, độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	63.000	63.000		100	
27	30.004	Giấy A3	Loại 9070 BB2K, KT: (420x300)mm, định lượng 70g/m^2, độ tẩy trắng 90 ISO, 500 tờ/ram, Bãi Bằng-Việt Nam	đồng/ram	115.000	115.000		100	
VI	4	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI							
28	40.001	Thuốc cảm xuyên hương	(Yên Bái sản xuất), lọ100 viên	đồng/lọ	60.000	60.000		100	

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
29	40.002	Amocinlin viên con nhộng	(định lượng 500mg) XN Dược phẩm Trung ương II	đồng/viên	1.000	1.000		100	
30	40.003	Hom tamin không sâm	(vỉ 5 viên) LD Việt Nam-Hàn Quốc	đồng/vỉ	8.000	8.000		100	
V	5	**GIAO THÔNG**							
31	50.001	Trông giữ xe máy	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	2.000	2.000		100	
32	50.002	Trông giữ ô tô	Trông giữ ban ngày	đồng/lượt	10.000	10.000		100	
33	50.003	Giá cước xe ô tô khách đi đường dài	Xe đường dài máy lạnh (Tuyên Quang - Hà Nội, hãng xe: Bảo Yến, Cường An)	đồng/vé	120.000	120.000		100	
34	50.005	Xăng sinh học E5 RON 92-II	Căn cứ Quyết định ngày 22/5/2023 của Công ty Xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH một thành viên	đ/lít	22.460	20.880	Giảm 1.580	93	Từ 15 giờ ngày 22/5/2023
35	50.006	Xăng không chì RON 95-III		đ/lít	23.490	21.910	Giảm 1.580	93	
36	50.007	Dầu Diezen 0,05S-II		đ/lít	19.680	18.300	Giảm 1.380	93	
37	50.008	Dầu Diezen 0,001S-IV		đ/lít	20.970	19.180	Giảm 1.790	91	
38	50.009	Dầu hỏa 2-K		đ/lít	19.840	18.310	Giảm 1.530	92	
VI	6	**GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH**							
39	60.001	Phòng khách sạn 3 sao	Hai giường đơn hoặc 1 giường đôi, có tivi, điều hòa nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi (Khách sạn Mường Thanh Tuyên Quang)	đồng/ngày-đêm	850.000	850.000		100	
VII	7	**VÀNG, ĐÔ LA MỸ**							

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng, (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8)=(7-6)	(9)=(7/6)	10
40	70.001	Vàng 9999	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 đ/chỉ	5.450.000	5.600.000	Tăng 150.000	103	
41	70.002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đồng/USD	24.880	24.890	Tăng 10	100	

Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định.